

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/HS-ST

Ngày: 12/6/2019

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Hải.

*Thẩm phán:* Ông Lại Văn Phong

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Huyền, ông Trần Văn Thành và ông Vũ Bá Hợp

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Hạnh -Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam và ông Vũ Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa:*** ông Đinh Mạnh Tuyên và ông Nguyễn Tuấn Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2019/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HS ngày 11/4/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/HSST-QĐ ngày 26/4/2019, Công văn số 47/2019/TA-HS ngày 20/5/2019 về việc thay đổi thời gian tổ chức phiên tòa, đối với các bị cáo:

**1. Trần Văn H**, sinh năm 1953 tại Phủ Lý Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Khu đô thị L Ch, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam; trình độ văn hóa: 10/10; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Hiền (đã chết) và bà Trần Thị Năm; có vợ là Phạm Thúy Đoà 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2017 đến nay; có mặt.

**2. Mai Thị B**, sinh năm 1958, tại huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương; nơi ĐKKHKT: Tổ 3, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Số 16, phố Hoàng Tùng, Khu đô thị Lam Hạ, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam; trình độ văn hóa: 10/10; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh;

tôn giáo: không; con ông Mai Xuân Bách và bà Trần Thị Khuê (đều đã chết); có chồng là Phạm Hải Đ và 02 con, lớn nhất sinh năm 1983, nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 11/01/2018 đến nay; có mặt.

**3. Trần Thị B**, sinh năm 1960, tại Kim Bảng, Hà Nam; nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi ở: Khu đô thị L Ch, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam; trình độ văn hóa: 10/10; Là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam hiện đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn Càn (đã chết) và bà Đinh Thị Thu; có chồng là Đinh Đức L và 02 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 18/12/2017 đến nay; có mặt.

***\* Người bào chữa cho các bị cáo***

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Luật sư Nguyễn T T - Văn phòng Luật sư Ph H H và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Mai Thị B: Các Luật sư Hoàng Anh T, Phí Văn H và Nguyễn Văn H- Công ty Luật TNHH B B, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội; có mặt Luật sư Tvà Luật sư H; vắng mặt Luật sư H.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị B: Luật sư Phạm Linh L - Công ty Luật TNHH N Đ, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hà Nam; có mặt.

***\* Nguyên đơn dân sự:***

1. Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam; địa chỉ: số 150 đường Trường Chinh, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh T- Giám đốc Công ty; có mặt.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Xuân Đ - Chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam. Đại diện theo ủy quyền: Sở Tài chính tỉnh Hà Nam; Sở tài chính tỉnh Hà Nam cử ông Bùi Ngọc Đ- Phó giám đốc Sở tài chính tỉnh Hà Nam; có mặt.

***\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1963; Trú tại: Số 56, đường Lê Công Thanh, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

2. Chị Nguyễn Thị Th H, sinh năm 1985; Trú tại: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

3. Bà Lại Thị H, sinh năm 1959; Trú tại: Tổ 12, đường D2, Khu Minh Khôi, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

4. Ông Trần Đình Tr, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

5. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ 4, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
6. Anh Trần Hoàng Th, sinh năm 1987; Trú tại: Thôn Đường Âm, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
7. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 13 phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
8. Anh Phạm Mạnh T, sinh năm 1983; Trú tại: Tổ 6 phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
9. Ông Ngô Huy Đ, sinh năm 1978; Trú tại: Thôn 3, xã P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
10. Chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1988; Trú tại: Số 26A ngõ 182, đường Lê Công Thanh, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
11. Bà Trần Thị V, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
12. Ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1945; Trú tại: Số nhà 116, Phố Bùi Dị, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
13. Ông Phạm Đức T, sinh năm 1957; Trú tại: Thôn Quang Âm, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
14. Bà Lê Thị Ngọc Ch, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ 3, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
15. Ông Tạ Ngọc Đ, sinh năm 1953; Trú tại: Số nhà 249, đường Trần Thị Phúc, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
16. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1950; Trú tại: Số nhà 45, Tổ 6, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
17. Bà Trần Thị T, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ 4, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
18. Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1967; Trú tại: Tổ dân phố Mễ Nội, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
19. Ông Nguyễn Hữu H, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ 10, phường Hai Bà Trưng, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
20. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ dân phố Bào Cừ, phường T C, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
21. Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1957; Trú tại: Tổ 6, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
22. Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1985; Trú tại: Thôn Sui, xã Đ X, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

23. Ông Vũ Đức B, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
24. Ông Đỗ Quốc L, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 12, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
25. Ông Lê Quang C, sinh năm 1946; Trú tại: Số nhà 64, Tổ 2, đường Trần Thị Phúc, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
26. Ông Trần Hồng Đ, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 9, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
27. Bà Nguyễn Thị Bích Nh, sinh năm 1967; Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
28. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 9, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
29. Bà Lê Thị H, sinh năm 1971; Trú tại: Tổ 12, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
30. Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 5, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
31. Bà Phạm Thị B, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam .
32. Ông Nguyễn Hữu Ch, sinh năm 1964; Trú tại: Số nhà 9, ngõ 136, đường Quy Lưu, Tổ 9, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
33. Bà Nguyễn Thị Tú U, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
34. Ông Lại Quang H, sinh năm 1952; Trú tại: Khu đô thị L Ch, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
35. Ông Đào Hữu H, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 8, phường L, thành phố P, Hà Nam.
36. Ông Lê Xuân L, sinh năm 1955; Trú tại: Khu đô thị Lam Hạ, phường L, thành phố P, Hà Nam.
37. Bà Nguyễn Thị , sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 4, phường L H P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
38. Ông Chu Văn T, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
39. Ông Nguyễn Nhân Q, sinh năm 1959; Trú tại: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
40. Bà Nguyễn Nhân Q, sinh năm 1960; Trú tại: Số 247, đường Trần Thị Phúc, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

41. Bà Đồng Thị H, sinh năm 1953; Trú tại: Tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
42. Ông Lê Nguyên Ng, sinh năm 1970; Trú tại: Tổ 2, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
43. Ông Phạm Hồng M, sinh năm 1970; Trú tại: phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
44. Ông Nguyễn Quốc C, sinh năm 1953; Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
45. Ông Văn Thế G, sinh năm 1953; Trú tại: Tổ 9, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
46. Ông Trần Đức T, sinh năm 1959; Trú tại: Tổ 6, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
47. Ông Trần Ngọc H, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 5, phường L H P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
48. Ông Ngô Ngọc X, sinh năm 1949; Trú tại: Tổ 1, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
49. Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1969. Trú tại: Ngõ 170, đường Lê Công Thanh, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
50. Bà Phạm Thị Ch, sinh năm 1953; Trú tại: Tổ 12, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
51. Ông Nguyễn Trọng Th, sinh năm 1950; Trú tại: Phường C D, quận H, Hà Nội.
52. Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1958; Trú tại: Chung cư CT 5, đô thị Mỹ Đình, Sông Đà, phường MĐ, quận N, Hà Nội.
53. Ông Phạm Đình T, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ dân phố Mẽ Nội, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
54. Bà Trần Thị Ph, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 6, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
55. Ông Lê Huy Ng, sinh năm 1951; Trú tại: Tổ 1, phường TX, quận Th X, Hà Nội.
56. Ông Hà Hồng S, sinh năm 1950; Trú tại: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
57. Bà Vũ Thị X, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ 12, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
58. Bà Đỗ Thị Cẩm Nh, sinh năm 1974; Trú tại: Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

59. Ông Phạm Công Q, sinh năm 1952; Trú tại: Tổ 9, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

60. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 2, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

61. Ông Lê Văn D, sinh năm 1952; Trú tại: Tổ 2b, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

62. Ông Nguyễn Quốc Ph, sinh năm 1974; Trú tại: xã V, huyện L, Hà Nam.

63. Bà Lê Hồng H, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 2, phường M, thành phố P, Hà Nam.

64. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

65. Ông Đinh Ngọc T, sinh năm 1958; Trú tại: Tổ 5, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

66. Bà Nguyễn Minh Th, sinh năm 1966; Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

67. Ông Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1950; Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

68. Bà Trần Thị Bích H, sinh năm 1960; Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

69. Bà Nguyễn Thu Th, sinh năm 1964; trú tại: Tổ 5, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

70. Ông Nguyễn Quang Kh, sinh năm 1959; Trú tại: Ngõ 176 Trương Định, quận H, Hà Nội.

71. Ông Bùi Quang C, sinh năm 1960; Trú tại: phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

72. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1968; Trú tại: Tổ 13, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

73. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1954 trú tại: Tổ 7, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

74. Bà Phạm Thị Thu H, sinh năm 1973; trú tại: Tổ 13, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

75. Ông Nguyễn Tiến H, sinh năm 1955; Trú tại: Tổ 3, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

76. Ông Trần Văn Ch, sinh năm 1959; Trú tại: Số 9, đường Nguyễn Viết Xuân, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

77. Bà Vũ Thị Hằng, sinh năm 1953; Trú tại: Tổ 4, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

78. Ông Phạm H L, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ 4, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

79. Bà Phan Thị Ngọc L, sinh năm 1976; Trú tại: Tổ 3, phường L H P, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

80. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1954; Trú tại: Tổ 4, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

81. Bà Trịnh Thị H, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

82. Ông Đinh Văn A, sinh năm 1972; Trú tại: Tổ 8, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

83. Ông Nguyễn Huy V, sinh năm 1965; Trú tại: Tổ 2, Quang Trung, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

84. Ông Đinh Văn Kh, sinh năm 1956; Trú tại: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

85. Ông Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1967; Trú tại: Tổ dân phố Mễ Nội, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

86. Bà Trần Thị Minh H, sinh năm 1963; Trú tại: Tổ 8, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

87. Ông Trần Đức Th, sinh năm 1971; trú tại: Tổ 7, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

88. Ông Trịnh Kim Kh, sinh năm 1948; trú tại: Tổ 6, phường Q, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

89. Bà Vũ Thị Ngọc H, sinh năm 1987; Trú tại: Khu đô thị L Ch, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa có mặt ông Nguyễn Văn Nh, còn lại vắng mặt.

**\* Người tham gia tố tụng khác:**

- Điều tra viên: Ông Nguyễn Minh Kh- Điều tra viên, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam (sau đây viết tắt là CPMT và CTĐT) thành lập theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700101892 do Sở Kế hoạch

đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 29/12/2008 có ngành nghề kinh doanh gồm: Thoát nước và xử lý nước thải; thu gom và xử lý rác thải; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất; vận tải hàng hóa; tư vấn, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; lắp đặt, bảo trì, quản lý vận hành hệ thống chiếu sáng đô thị; kinh doanh và duy trì cây xanh đô thị; quản lý khai thác vườn hoa, công viên, nghĩa trang nhân dân, làm các dịch vụ tang lễ, du lịch; kinh doanh ăn uống, giải trí. Bộ máy lãnh đạo từ năm 2008 đến nay:

Trần Văn H là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc Công ty từ năm 2008 đến tháng 7/2014; từ tháng 4/2014 đến tháng 6/2016 là Giám đốc; từ tháng 7/2016 đến nay là Phó Giám đốc Công ty.

Mai Thị B là Phó Giám đốc Công ty từ năm 2008 đến năm 2015.

Trần Thị B là Kế toán trưởng Công ty từ năm 2008 đến năm 2016.

Từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2012, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam là doanh nghiệp Nhà nước, với tỷ lệ góp vốn của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam (sau đây viết tắt là UBND) là 63,18%; vốn của các cổ đông khác là 36,82%.

Từ tháng 4/2012 đến tháng 6/2016, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam có phần góp vốn của UBND tỉnh Hà Nam là 43,18%; vốn của các cổ đông khác là 56,82%

Tháng 7/2016, UBND tỉnh Hà Nam thoái vốn, bán đấu giá 741.334,34 cổ phần (43,18%) = 6.228.811.174 đồng. Ông Lê Tuấn T- Giám đốc Công ty TNHH Hợp Tiến có địa chỉ tại Thôn Lồi, xã T, huyện Th, Hà Nam trúng đấu giá. Ông Lê Tuấn T làm Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông Phạm Minh T là Giám đốc Công ty.

Ngày 27/01/2005, UBND tỉnh Hà Nam ra Thông báo số 86/UBND với nội dung đồng ý cho UBND thị xã Phủ Lý (nay là thành phố P), tỉnh Hà Nam lập dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư giải quyết chính sách nhà ở cho cán bộ công nhân viên và thực hiện việc bồi thường giải phóng mặt bằng khi thu hồi đất tại Khu đô thị L Ch thuộc địa bàn xã LC (nay là phường LC) thành phố P, tỉnh Hà Nam. Ngày 08/3/2005, UBND thị xã Phủ lý ra quyết định số 172/2005/QĐ-UB về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư giải quyết chính sách nhà ở cho cán bộ, công nhân viên và phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng trong Khu đô thị L Ch. Kết quả xét duyệt có 80 trường hợp đủ điều kiện đưa vào diện cấp đất có thu tiền sử dụng đất gồm: Khối Nội chính 11 trường hợp; khối Y tế - Giáo dục, Xã hội 19 trường hợp; Khối Thị ủy 17 trường hợp; Khối UBND 33 trường hợp.

Ngày 06/6/2005, UBND thị xã Phủ Lý ra Thông báo số 54/TB-UB về việc nộp tiền đất, gửi các cá nhân được xét duyệt đất đề nghị các hộ nộp số tiền tạm thu đợt 01 là 25 triệu đồng/hộ, tổng số tiền đã thu của các hộ là 1.754.000.000đ. Đến năm 2008, do có sự thay đổi của Luật Đất đai và công tác đầu tư nên

UBND thành phố P không thực hiện chủ đầu tư dự án. Trên cơ sở đề nghị của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam, ngày 24/12/2008 UBND tỉnh Hà Nam ra văn bản số 1830/UBND-GTXD với nội dung: Đồng ý cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam có địa chỉ tại số 159, đường Trường Chinh, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam là đơn vị chủ đầu tư xây dựng khu nhà ở thuộc quy hoạch chi tiết dự án Khu đô thị L Ch tại Khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng và quỹ đất tạo vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật, bàn giao một phần diện tích đất cho UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam để tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam được phép kinh doanh trên diện tích đất còn lại. Ngày 01/7/2009, UBND tỉnh Hà Nam ban hành Quyết định 738/QĐ-UBND về việc cho phép đầu tư dự án hạ tầng kỹ thuật thuộc khu nhà ở thuộc quy hoạch Khu đô thị L Ch, thành phố P, tỉnh Hà Nam với tổng diện tích đất Dự án 85,919m<sup>2</sup>.

Sau khi có Quyết định 738/QĐ-UBND ngày 01/7/2009 của UBND tỉnh Hà Nam, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam huy động vốn để triển khai thực hiện dự án bằng hình thức vay, góp vốn của các cá nhân trong và ngoài Công ty với số tiền 64.068.113.000đ. Ngoài ra trước đó Trần Văn H và Trần Thị B chỉ đạo bà Lại Thị H - Thủ quỹ Công ty lấy từ quỹ Công ty 2.414.509.000đ để chi phí cho việc thực hiện dự án, được hành tị bằng 22 phiếu chi tạm ứng. Trong đó, bà Lê Thị H- Trưởng phòng Kế hoạch của Công ty ký nhận 24 phiếu chi tạm ứng với số tiền 2.123.200.000đ; ông Trần Đình Tr- Cán bộ Ban quản lý dự án ký nhận 08 phiếu chi tạm ứng với số tiền 291.309.000đ. Đến năm 2012, bà Lê Thị H nghỉ hưu theo chế độ, Trần Thị B lập lại phiếu chi tạm ứng mang tên người nhận là ông Trần Đình Tr tại 08 phiếu chi tổng số tiền là 2.391.500.000đ. Sau khi có nguồn thu từ việc bán đất dự án Khu đô thị L Ch, Trần Thị B lấy tiền chênh lệnh để thu hoàn ứng các khoản đã lấy từ quỹ của Công ty để chi phí phục vụ dự án trước đó và hành tị 05 phiếu thu hoàn ứng trả về Quỹ Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam

Ngày 29/3/2012, UBND tỉnh ra Quyết định số 506/QĐ-UBND phê duyệt phương án thu tiền sử dụng đất tại Khu đô thị L Ch, thành phố P, tỉnh Hà Nam trong đó diện tích giao cho Công ty kinh doanh là 17.269,3m<sup>2</sup> được chia thành 188 lô theo Quyết định số 330/QĐ-UBND ngày 08/6/2006 và Quyết định số 1081/QĐ-UBND ngày 20/7/2011 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt, điều chỉnh, phân lô dự án hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở thuộc quy hoạch Khu đô thị L Ch, thành phố P, tỉnh Hà Nam cụ thể: Đường 42m giá: 12.000.000/m<sup>2</sup>; đường 22m giá 5.100.000đ/m<sup>2</sup>; đường 18,2m giá 4.700.000đ/m<sup>2</sup>; đường 17,5m giá 4.500.000đ/m<sup>2</sup>; đường 15,5m giá 4.000.000đ/m<sup>2</sup>.

Ngày 06/4/2012, Trần Văn H tổ chức họp Hội đồng quản trị Công ty với thành phần tham gia gồm Trần Văn H, Chủ tịch Hội đồng quản trị - Giám đốc; Mai Thị B - Phó Giám đốc; ông Nguyễn Văn Nh- Phó Giám đốc, Trần Thị B - Kế toán trưởng, bà Vũ Thị L- Trưởng ban kiểm soát, ra Nghị quyết và Quyết

định thành lập Phòng Kinh doanh. Theo đó Mai Thị B - Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng; Trần Thị B làm Phó Phòng thường trực; anh Trần Hoàng Th - Kế toán; chị Trần Thị Thu H- Thủ quỹ phụ trách thu tiền đất; đồng thời ban hành Nghị quyết kinh doanh diện tích đất thương phẩm đã được UBND tỉnh Hà Nam giao, thống nhất cho Phòng Kinh doanh bán không được trái với quy định Nhà nước và không được bán thấp hơn giá phê duyệt của UBND tỉnh.

Ngày 12/4/2012, UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam có Công văn số 169/UBND-QLĐT gửi Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam với nội dung đề nghị Công ty chuyển giao đất cho chủ đầu tư thứ cấp 80 hộ là cán bộ, công nhân viên theo danh sách đã nộp tiền vào Ngân sách từ năm 2005- 2006 được mua lại 01 lô đất theo giá kinh doanh của Công ty và đề nghị Công ty quan tâm tới số tiền các hộ đã nộp. Ngày 10/8/2012, UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam và Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam làm thủ tục quyết toán số tiền 1.754.000.000đ đã thu của 80 hộ theo danh sách mà UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam đã xét duyệt cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam.

Sau khi có Công văn số 169/UBND-QLĐT ngày 12/4/2012 của UBND thành phố P, Trần Văn H không báo cáo xin chủ trương của UBND tỉnh Hà Nam mà cùng với Mai Thị B, Trần Thị B thống nhất chuyển nhượng 80 lô đất với diện tích 6.416,6 m<sup>2</sup> cho 80 hộ là cán bộ, công nhân viên chức theo danh sách UBND thành phố P đã xét duyệt, trong đó có 1.754 m<sup>2</sup> được Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam chuyển nhượng với giá 1.000.000đ/m<sup>2</sup> (thấp hơn giá mà UBND tỉnh đã phê duyệt) còn lại 4.662,6m<sup>2</sup> chuyển nhượng theo giá mà UBND tỉnh phê duyệt và thu thêm 750.000đ/m<sup>2</sup>, tổng số tiền thu được là 26.587.925.000 đồng (*số tiền theo giá UBND tỉnh duyệt là 29.303.700.000đ*).

108 lô đất còn lại với diện tích 10.892,7m<sup>2</sup> (tăng so với diện tích ban đầu 40m<sup>2</sup>) được chuyển nhượng cho những người đã góp vốn vào công ty và những người ngoài công ty, thu tổng số tiền 78.721.820.500đ. Khi làm thủ tục ký hợp đồng chuyển nhượng, viết hóa đơn, phiếu thu tiền bán đất của 108 lô, Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B thống nhất chỉ đạo anh Trần Hoàng Th, chị Văn Thị Phụng và anh Trần Quốc T là nhân viên kế toán ghi số tiền chuyển nhượng và số tiền thu được theo đúng giá đất mà UBND tỉnh đã quyết định phê duyệt; số tiền chênh lệch dùng để bù chi phí xin và thực hiện dự án (số tiền thu theo giá UBND tỉnh phê duyệt là 66.580.170.000đ, số tiền chênh lệch bỏ ngoài sổ sách kế toán Công ty là 12.141.650.500đ).

Như vậy tổng số tiền thu từ việc chuyển nhượng 188 lô đất do Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam quản lý kinh doanh là 105.309.745.500 đ, gồm: Thu từ việc chuyển nhượng 80 lô đất cho cán bộ, công nhân viên chức theo danh sách phê duyệt của UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam là 26.587.925.000đ; Thu từ việc chuyển nhượng 108 lô đất cho các cá nhân khác là 78.721.820.500đ.

Ngày 02/02/2015, Mai Thị B - Phó Giám đốc Công ty và Trần Thị B - Kế toán trưởng Công ty CPMT và ĐT Hà Nam làm thủ tục quyết toán vốn đầu tư hoàn thành đưa vào sử dụng dự án hạ tầng thuộc khu nhà ở thuộc quy hoạch Khu đô thị L Ch, thành phố P, tỉnh Hà Nam cụ thể:

|                                             |                 |
|---------------------------------------------|-----------------|
| Tổng doanh thu :                            | 95.883.870.000đ |
| - Chi phí đầu tư:                           | 82.617.740.000đ |
| + Chi phí xây lắp:                          | 57.847.246.000đ |
| + Chi phí quản lý dự án:                    | 925.860.000đ    |
| + Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:           | 2.191.623.000đ  |
| + Chi phí khác:                             | 344.686.000đ    |
| + Chi phí lãi vay:                          | 7.039.441.000đ  |
| + Chi phí quản lý hoạt động kinh doanh:     | 1.820.000.000đ  |
| + Chi phí giải phóng mặt bằng:              | 12.448.902.000đ |
| - Thuế và thu nhập của nhà đầu tư trong đó: | 7.896.856.000đ, |
| + Thuế VAT:                                 | 1.800.284.000đ  |
| + Thu nhập của NĐT (sau thuế):              | 4.543.976.000đ  |
| + Thuế thu nhập doanh nghiệp:               | 1.552.596.000đ  |
| - Số tiền sử dụng đất nhà đầu tư phải nộp:  | 5.369.274.000đ  |

Số tiền chênh lệch thu từ việc chuyển nhượng đất của dự án là 12.141.650.500đ, Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B thống nhất chi: Chi bù tiền đất cho các trường hợp là cán bộ, công nhân viên chức theo danh sách xét duyệt của UBND thành phố mà Công ty đã chuyển nhượng thu tiền thấp hơn so với giá mà UBND tỉnh đã phê duyệt 2.715.755.000đ.

Ngoài ra Trần Thị B khai quá trình triển khai thực hiện dự án, Trần Thị B đã đưa cho Trần Văn H, Mai Thị B để đi chi quan hệ với các sở, ngành và các cá nhân công tác tại Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Nam và các phòng ban của UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam; chi giao dịch tiếp khách và chi phí khác, được Trần Thị B tổng hợp ghi chép với tổng số tiền là 7.225.875.5000đ.

Còn lại 2.200.000.000đ, Trần Văn H chỉ đạo chia thưởng cho các thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm: Trần Văn H, Mai Thị B, Nguyễn Văn Nh, Trần Thị B mỗi người 500.000.000đ tổng là 2.000.000.000đ, do Trần Thị B trực tiếp đưa. Số tiền còn lại 200.000.000đ, Trần Thị B giao cho Trần Văn H quản lý. Mai Thị B và ông Nguyễn Văn Nh đều không thừa nhận đã được Trần Thị B đưa số tiền 500.000.000đ.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Nam đã tiến hành làm việc, lấy lời khai đối với các cá nhân theo danh sách mà Trần Thị B đã tổng hợp và khai báo đưa tiền cho Trần Văn H và Mai Thị B đi quan hệ, giao dịch và chi tiêu, kết quả điều tra chỉ có ông Bùi Văn H, sinh năm 1966; trú tại: Tổ 4, phường H, thành phố P, tỉnh Hà Nam xác định do hoàn cảnh khó khăn nên năm 2013 được Trần Văn H cho khoảng 100.000.000đ. Bản thân ông H không biết gì về nguồn gốc số tiền mà Trần Văn H cho, khi cho tiền Hà chỉ nói cho để sửa nhà, ngoài ra tất cả các cá nhân khác đều khẳng định không được Trần Văn H, Mai Thị B đưa tiêu bất cứ khoản tiền nào như Trần Thị B khai báo.

Kết quả xác minh, làm việc với chị Đỗ Thị Thúy H, sinh năm 1988; Trú tại số nhà 26A ngõ 182 đường Lê Công Thanh, phường Tr, thành phố P, tỉnh Hà Nam xác định năm 2012 có nhận chuyển nhượng hai lô đất B65 và B66 với tổng diện tích 260m<sup>2</sup> của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam với giá 2.280.000.000đ, khi mua đã nộp tiền tại Phòng kinh doanh của Công ty và có phiếu thu, toàn bộ thủ tục chuyển nhượng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam thực hiện. Khi nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Công ty thu lại phiếu thu tiền chuyển nhượng đất, Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Hà Nam đã thu giữ Hợp đồng chuyển nhượng, hóa đơn giá trị gia tăng bán đất của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam có chữ viết, chữ ký ghi danh “Đỗ Thị Thúy H” ký hiệu A78, A87, A378 và A379 và mẫu chữ ký, chữ viết của chị Đỗ Thị Thúy H có ký hiệu từ M18 đến M21 ra Quyết định trưng cầu giám định.

Tại bản Kết luận giám định số 08/TL-PC09 ngày 30/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam kết luận: Chữ viết có nội dung “Đỗ Thị Thúy H” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A78, A87, A378 và A379 so với chữ viết của Đỗ Thị Thúy H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M21 không do cùng một người viết ra; không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang danh Đỗ Thị Thúy H trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A78, A87, A378 và A379 với chữ ký của Đỗ Thị Thúy H trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M18 đến M21 có phải do cùng một người viết ký ra hay không”.

Đối với việc chuyển nhượng 1.754m<sup>2</sup> đất thấp hơn so với giá phê duyệt của UBND tỉnh Hà Nam và chi bù tiền đất 2.725.775.000đ cho 80 trường hợp theo danh sách xét duyệt của UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam, Trần Văn H khai đã xin chủ trương và thực hiện theo sự chỉ đạo của ông Đỗ V S- Bí thư Thành ủy và ông Bùi Văn H- Chủ tịch UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam. Đại diện Thành ủy và UBND thành phố P, tỉnh Hà Nam xác định sau khi dự án Khu đô thị L Ch được chuyển giao cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam làm chủ đầu tư, Ban Thường vụ Thành ủy thành phố P họp ra Nghị quyết giao UBND thành phố P có văn bản đề nghị Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam chuyển nhượng cho 80 trường hợp là cán bộ, công nhân viên chức theo danh sách UBND thành phố P đã xét duyệt với giá kinh doanh của Công ty, đồng thời đề

ngợi Công ty quan tâm đến số tiền mà các hộ đã nộp ngoài ra không có chỉ đạo về giá chuyển nhượng đất cho các hộ như Trần Văn H đã khai báo.

Đại diện theo ủy quyền của UBND tỉnh Hà Nam là Sở Tài chính tỉnh Hà Nam và Hội đồng quản trị Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam xác định: Quá trình triển khai, thực hiện việc chuyển nhượng, thu chi tiền chuyển nhượng đất tại dự án Khu đô thị L Ch thì Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B không báo cáo xin chủ trương chỉ đạo của UBND tỉnh Hà Nam; không bàn bạc, thống nhất với các cổ đông trong Công ty, tự ý bỏ ngoài sổ sách, giấu nguồn thu số tiền 12.141.650.500đ chi trái nguyên tắc, gây thất thoát, thiệt hại đến tài sản của Nhà nước và các cổ đông Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam.

Quá trình bắt, khám xét, Cơ quan điều tra đã thu giữ các tài liệu đồ vật, tài sản gồm:

- Thu của Trần Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen có lắp 01 sim; 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Trần Văn H; số tiền 700.000.000đ (trong đó Trần Văn H tự nguyện nộp 500.000.000đ và nhờ Trần Thị B nộp 200.000.000đ để khắc phục hậu quả).

- Thu của Trần Thị B 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen có lắp 01 sim và Trần Thị B tự nguyện nộp 500.000.000đ để khắc phục hậu quả.

- Một số văn bản, tài liệu nơi làm việc của Trần Văn H, Trần Thị B và Mai Thị B có liên quan đến việc thực hiện, triển khai, thanh quyết toán dự án Khu đô thị L Ch.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, Mai Thị B đã nhờ gia đình nộp 550.000.000đ để khắc phục hậu quả.

Tại Cáo trạng số 04/CT- KSĐT ngày 21 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B về tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” theo quy định tại Khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo như bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”. Áp dụng khoản 3 Điều 165; các Điều 20, 33, 47, 53; điểm b, p, s khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với các bị cáo; áp dụng thêm điểm q khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo Trần Thị B; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Trần Văn H. Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 05 năm 06 tháng tù đến 06 năm 06 tháng tù; Xử phạt bị cáo Mai Thị B từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm 06 tháng tù; Xử phạt bị cáo Trần Thị B từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, các bị cáo phải liên đới bồi thường cho Công ty

CPMT và CTĐT Hà Nam số tiền 12.141.650.500đ. Số tiền các bị cáo Hà, Bc và gia đình bị cáo **B** đã nộp được đối trừ khi thi hành án.

Tại phiên toà bị cáo Trần Thị B khai: Thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo Trần Văn H, bị cáo đã chỉ đạo các nhân viên phòng kinh doanh lập phiếu thu, chi khoản tiền bán đất của dự án Khu đô thị L Ch, để ngoài sổ sách kế toán của Công ty với số tiền 12.141.650.500đ để bù vào các khoản chi phục vụ dự án Khu đô thị L Ch, gồm: Chi phí xin và thực hiện dự án do bị cáo Hà và bị cáo **B** ứng chi trước và trong quá trình thực hiện dự án; chi thưởng cho 04 thành viên Hội đồng quản trị mỗi người 500.000.000đ; chi nộp bù tiền đất cho 80 hộ là cán bộ của thành phố P và 02 lô đất của chị Đỗ Thị Thuý H. Bị cáo B biết việc để ngoài sổ sách kế toán của Công ty tiền bán đất để bù chi phí thực hiện dự án.

Bị cáo Mai Thị B khai: Tuy không chỉ đạo bị cáo Bc để ngoài sổ sách kế toán tiền bán đất để bù chi phí xin và thực hiện dự án nhưng có biết việc này. Thực hiện theo chỉ đạo của bị cáo H, bị cáo đã ứng 700.000.000đ để đi chi phí ngoài phục vụ việc xin và thực hiện dự án Khu đô thị L Ch. Bị cáo xin chịu trách nhiệm và đã nhờ gia đình khắc phục hậu quả được 550.000.000đ. Bị cáo không nhận 500.000.000đ tiền thưởng cho thành viên hội đồng quản trị như bị cáo Bc khai.

Bị cáo Trần Văn H nhất trí với nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm trừ trách nhiệm cho các bị cáo đối với khoản nộp bù tiền đất cho 80 hộ là cán bộ thành phố P; bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong kháng chiến chống Mỹ và trong công tác, được Nhà nước, UBND tỉnh Hà Nam tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý. Đề nghị Toà án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Văn H: Nhất trí với tội danh, điều khoản và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo là người có công với cách mạng vì bị cáo được tặng Huân chương chiến công giải phóng; đề nghị xem xét lợi ích về kinh tế xã hội mà dự án Khu đô thị L Ch mang lại là rất lớn, được lãnh đạo tỉnh Hà Nam ghi nhận và đánh giá cao và đề nghị xem xét giảm trừ trách nhiệm của các bị cáo về số tiền nộp bù tiền đất cho 80 hộ là cán bộ thành phố P và 02 lô đất của chị Hằng. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới mức đề nghị của Viện kiểm sát.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Mai Thị B: Bị cáo Mai Thị B ký phiếu thu đúng bằng số tiền khách hàng đã nộp nên không vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật; bị cáo ký quyết toán vốn đầu tư là thực hiện nghĩa vụ của Công ty đối với UBND tỉnh Hà Nam. Doanh nghiệp có quyền quyết định giá bán; giá UBND tỉnh đưa ra là để xác định nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tổng doanh thu từ việc bán 188 lô đất của dự án cao hơn số tiền sử

dụng đất phải nộp cho UBND tỉnh Hà Nam nên hành vi của các bị cáo không có dấu hiệu của tội mà các bị cáo bị truy tố. Đối với tội “Cố ý làm trái các quy định về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng” đã bị xoá bỏ; hành vi bị cáo đang bị đề nghị truy tố không còn nguy hiểm cho xã hội nữa. Với những căn cứ pháp lý và lập luận như trên, đề nghị Hội đồng xét xử miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo Mai Thị B và các bị cáo khác.

Quan điểm bào chữa của người bào chữa cho bị cáo Trần Thị B: Nhất trí với tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Viện kiểm sát truy tố và đề nghị áp dụng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là bị cáo tuy chưa phải là người già nhưng tuổi cũng đã cao, sức khoẻ yếu; lợi ích về kinh tế xã hội mà dự án Khu đô thị L Ch mang lại là rất lớn như các luật sư khác đã phân tích và đánh giá. Bị cáo Bc không nguy hiểm cho xã hội nếu ở ngoài xã hội, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử trả tự do ngay cho bị cáo tại phiên toà.

Các bị cáo đều nhất trí với quan điểm bào chữa của người bào chữa cho mình và không bổ sung gì thêm.

Đại diện cho nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên toà nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam về phân trách nhiệm dân sự của các bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Nam, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội và tội danh của các bị cáo

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà là cơ bản phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người mua 188 lô đất tại dự án Khu đô thị L Ch thành phố P do Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam chuyển nhượng; phù hợp với các chứng từ, phiếu thu, báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án Khu đô thị L Ch và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được trong quá trình điều tra. Do đó đủ cơ sở kết luận: Trong thời gian từ tháng 3/2012 đến tháng 6/2018, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam là công ty cổ phần có phần vốn góp của UBND tỉnh Hà Nam là 43,18%, vốn góp của các cổ đông khác là 56,82%; được UBND tỉnh Hà Nam giao làm chủ đầu tư và kinh doanh 17.309 m<sup>2</sup> đất, được chia thành 188 lô tại dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị L Ch, thuộc

địa bàn phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam với giá chuyển nhượng theo phê duyệt của UBND tỉnh Hà Nam.

Quá trình thực hiện dự án, Trần Văn H đã chỉ đạo phòng kinh doanh của Công ty thực hiện việc chuyển nhượng 6.416m<sup>2</sup> đất cho 80 cá nhân theo danh sách xét duyệt của UBND thành phố P trong đó có 1.754m<sup>2</sup> chuyển nhượng thấp hơn giá phê duyệt của UBND tỉnh Hà Nam, thu 26.578.925.000đ và chuyển nhượng 108 lô đất với diện tích 10.892,7m<sup>2</sup> cho 108 cá nhân với giá cao hơn hoặc bằng với giá của UBND tỉnh Hà Nam phê duyệt, thu 78.721.820.500đ. Tổng doanh thu từ việc chuyển nhượng 188 lô đất là 105.309.745.500đ. Thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B chỉ kê khai báo cáo quyết toán tài chính với số tiền đã thu theo đúng với giá mà UBND tỉnh đã phê duyệt là 95.883.870.000đ, để ngoài sổ sách kế toán số tiền 12.141.650.500đ để sử dụng không đúng quy định của pháp luật và đã sử dụng hết số tiền này.

Hành vi để ngoài sổ sách kế toán số tiền 12.141.650.500đ của Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B là một trong các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại Khoản 3 Điều 14 Luật Kế toán năm 2003.

*“Điều 14. Các hành vi bị nghiêm cấm*

*1. Giả mạo, khai man..*

*2....*

*3. Để ngoài sổ sách kế toán tài sản của đơn vị kế toán hoặc tài sản liên quan đến đơn vị kế toán.”*

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B đã phạm vào tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước, gây thiệt hại lớn đến tài sản của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các cổ đông và ảnh hưởng xấu đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa tội phạm chung.

[3] Về quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo:

Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam là Công ty cổ phần, trong đó UBND tỉnh Hà Nam là cổ đông có phần vốn góp là 43,18%. Việc để ngoài sổ sách kế toán tài sản của công ty hoặc chi không hợp pháp sẽ gây thiệt hại về tài sản cho các cổ đông, kể cả trong trường hợp doanh thu từ việc bán đất không thấp hơn

giá mà UBND tỉnh Hà Nam quy định khi không được sự đồng ý của các cổ đông, trong đó có UBND tỉnh Hà Nam.

Trong vụ án này, tội phạm hoàn thành kể từ khi có hành vi để ngoài sổ sách kế toán tài sản của Công ty. Số tài sản để ngoài sổ sách kế toán của Công ty là thiệt hại vật chất và là hậu quả của tội phạm, người thực hiện tội phạm phải chịu trách nhiệm hình sự và trách nhiệm dân sự đối với toàn bộ thiệt hại này, không phụ thuộc vào việc đã sử dụng tài sản đó vào việc gì.

Vì vậy quan điểm của các luật sư cho rằng các bị cáo không phạm tội như Viện kiểm sát truy tố và các bị cáo phải được giảm trừ trách nhiệm bồi hoàn các khoản đã chi vào việc nộp bù 80 lô đất bán cho các cá nhân là cán bộ, nhân viên của UBND thành phố P và 02 lô đất bán cho chị Đỗ Thị Thuý H là không có căn cứ pháp lý, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Trần Văn H là chỉ đạo Mai Thị B và Trần Thị B bỏ ngoài sổ sách kế toán số tiền 12.141.650.500đ để chi không đúng quy định của pháp luật nên giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Mai Thị B và Trần Thị B thực hiện theo sự chỉ đạo của Trần Văn H nên đều là người thực hành, có vai trò ngang nhau và sau bị cáo Trần Văn H.

[5] Về hình phạt:

Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo; các bị cáo đều có thành tích xuất sắc trong công tác, được tặng thưởng nhiều Bằng khen, Giấy khen; đều tự nguyện khắc phục một phần hậu quả; hiện tuổi đã cao, sức khỏe yếu; bị cáo B có bố để được tặng thưởng Huy chương kháng chiến; bị cáo Bc là dân quân tự vệ và có chồng là ông Đinh Đức L là người có công với cách mạng, bị thương tật và được hưởng chính sách như thương binh. Đây là các tình tiết giảm nhẹ mà các bị cáo được hưởng, được quy định tại điểm b, v Khoản 1 và Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Ngoài ra bị cáo Trần Văn H là người có công với cách mạng, được tặng thưởng Huân chương chiến công nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo Trần Thị B đã tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc điều tra giải quyết vụ án nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và có nhân thân tốt, hiện tuổi đã

cao, sức khoẻ yếu, vì vậy cho các bị cáo được hưởng mức án dưới mức thấp nhất của khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm trở về với gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung các bị cáo tuổi đã cao, sức khoẻ đã yếu nên không cần thiết phải cấm các bị cáo đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Số tiền 12.141.650.500đ để ngoài sổ sách kế toán và đã chi sai quy định hết là tài sản của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam. Thiệt hại này do các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B gây ra nên các bị cáo phải liên đới bồi thường toàn bộ số tiền trên cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam theo quy định tại Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Các điều 604, 605, 608 và Điều 616 Bộ luật dân sự năm 2005.

Khi chia phần, bị cáo Trần Văn H giữ vai trò chính nên phải bồi thường nhiều hơn; các bị cáo Mai Thị B và Trần Thị B có nghĩa vụ bồi thường ngang nhau. Cụ thể:

Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam 5.141.650.500đ, được đối trừ số tiền 700.000.000đ đã nộp tại giai đoạn điều tra, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 4.441.650.500đ (*Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng*).

Bị cáo Mai Thị B phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam số tiền 3.500.000.000đ, được đối trừ số tiền 550.000.000đ đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.950.000.000đ (*Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Bị cáo Trần Thị B phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam số tiền 3.500.000.000đ, được đối trừ số tiền 500.000.000đ đã nộp tại giai đoạn điều tra, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*).

Thời điểm xảy ra vụ án, Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam là công ty cổ phần, với phần vốn của UBND tỉnh Hà Nam là 43,18%, phần vốn của các cổ đông khác là 56,82%. Mối quan hệ giữa các cổ đông với Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam là quan hệ nội bộ, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết phân chia cho các cổ đông (trong đó có UBND tỉnh Hà Nam) đối với số tiền mà các bị cáo bồi thường cho Công ty trong vụ án này, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 1.750.000.000đ (Trong đó bị cáo Trần Văn H nộp 700.000.000đ; Trần Thị B nộp 500.000.000đ; Mai Thị B nộp 550.000.000đ; Theo ủy nhiệm chi

lập ngày 23/01/2019 từ Công an tỉnh Hà Nam sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam; Biên lai số: AA/2015/0001246 ngày 06/5/2019 và Biên lai số: AA/2015/0001756 ngày 10/6/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam) là số tiền bị cáo Trần Văn H, Trần Thị B và Mai Thị B đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả được đối trừ khi thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu của Trần Văn H trong quá trình điều tra không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia thu của Trần Thị B không liên quan đến vụ án cần trả lại cho bị cáo nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

- 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06553, CH06555, CH06556 cấp ngày 26/6/2014 thu của bị cáo Trần Văn H được trả lại cho bị cáo H nhưng quản lý để bảo đảm thi hành án.

- Duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT ngày 26/12/2017 đối với nhà ở của Trần Văn H và Lệnh kê biên tài sản số 02/CSĐT ngày 26/12/2017 đối với nhà ở của Trần Thị B để bảo đảm thi hành án.

#### [8] Về án phí:

Các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường, theo quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

#### [9] Về các vấn đề khác

Đối với bà Lại Thị H nguyên là cán bộ thủ quỹ của Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam từ năm 2001 đến hết năm 2015 trong quá trình thực hiện dự án Khu đô thị L Ch, đã theo sự chỉ đạo của Trần Thị B chi 2.414.509.000đ ra khỏi quỹ Công ty không đúng đối tượng để sử dụng vào việc cho phí phục vụ Dự án. Nguyễn Thị Th H cán bộ phòng kinh doanh được giao nhiệm vụ thu tiền chuyển nhượng đất nhưng Hiền đã theo sự chỉ đạo của Trần Thị B không nộp tiền của từng cá nhân vào quỹ Công ty theo quy định, tuy nhiên Lại Thị H và Nguyễn Thị Th H đều làm theo sự chỉ đạo của Trần Thị B không biết và không được bàn bạc, ăn chia số tiền bỏ ngoài sổ sách nên không đủ căn cứ xử lý hình sự đối với Lại Thị H và Nguyễn Thị Th H, Cơ quan điều tra đã có văn bản kiến nghị UBND thành phố P xem xét xử lý đối với Lại Thị H và Nguyễn Thị Th H theo quy định tại Nghị định số 41/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán là có căn cứ.

Đối với ông Nguyễn Văn Nh là Phó Giám đốc Công ty trong quá trình thực hiện dự án Đô thị Liêm Chính nhưng được giao phụ trách công tác đền bù

giải phóng mặt bằng. Ngoài ra Nguyễn Văn Nh không biết và không tham gia bàn bạc gì với Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B trong việc bỏ ngoài sổ sách số tiền 12.141.650.500đ. Mặc dù quá trình điều tra, Trần Văn H và Trần Thị B khai có chia thưởng cho Nguyễn Văn Nh 500.000.000đ từ khoản tiền 12.141.650.500đ, nhưng Nguyễn Văn Nh không thừa nhận, ngoài lời khai của Hà, Bc không còn tài liệu nào khác chứng minh Nhưng được chia khoản tiền 500.000.000đ nên cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Nguyễn Văn Nh là có căn cứ.

Đối với anh Trần Hoàng Th cán bộ phòng kinh doanh, Lê Thị H nguyên Trưởng phòng kế hoạch, Nguyễn Thị Hồng H cán bộ thủ quỹ, Văn Thị Phụng cán bộ kế toán, Trần Đình Tr cán bộ Ban quản lý dự án, Trần Quốc T cán bộ kế toán, Phạm Mạnh T cán bộ Ban quản lý dự án, Ngô Huy Đ cán bộ phòng kế hoạch trong quá trình thực hiện Dự án Khu đô thị L Ch cũng được giao thực hiện một số hoạt động nghiệp vụ theo chức năng tuy nhiên những người này không biết và không được bàn bạc thống nhất gì về việc bỏ ngoài sổ sách số tiền 12.141.650.500đ để chi sai quy định, bản thân họ cũng không được ăn chia số tiền trên nên Cơ quan điều tra không xử lý về hình sự là có căn cứ.

*Vì các lẽ trên:*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Về hình sự:**

Tuyên bố các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B phạm tội “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”.

Áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v, x khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Văn H 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

Áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Mai Thị B 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2018.

Áp dụng khoản 3 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, t, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 50, khoản 1 Điều 54, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Trần Thị B 03 (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

### **2. Về dân sự:**

Áp dụng Điều 46, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 604, 605, 608 và Điều 616 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Buộc các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B phải liên đới bồi thường số tiền 12.141.650.500đ (*Mười hai tỷ một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*) cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam. Chia phần:

Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam 5.141.650.500đ (*Năm tỷ một trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng*), được trừ số tiền 700.000.000đ (*Bảy trăm triệu đồng*) đã nộp tại giai đoạn điều tra (Theo ủy nhiệm lập ngày 23/01/2019 từ Công an tỉnh Hà Nam sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam), còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 4.441.650.500đ (*Bốn tỷ bốn trăm bốn mươi một triệu sáu trăm năm mươi ngàn năm trăm đồng*).

Bị cáo Mai Thị B phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam số tiền 3.500.000.000đ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), được trừ số tiền 550.000.000đ (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*) đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam (Biên lai số: AA/2015/0001246 ngày 06/5/2019 và Biên lai số: AA/2015/0001756 ngày 10/6/2019), còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 2.950.000.000đ (*Hai tỷ chín trăm năm mươi triệu đồng*).

Bị cáo Trần Thị B phải bồi thường cho Công ty CPMT và CTĐT Hà Nam số tiền 3.500.000.000đ (*Ba tỷ năm trăm triệu đồng*), được trừ số tiền 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*) đã nộp tại giai đoạn điều tra (Theo ủy nhiệm chi lập ngày 23/01/2019 từ Công an tỉnh Hà Nam sang Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam), còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 3.000.000.000đ (*Ba tỷ đồng*).

### **3. Về xử lý vật chứng:**

Căn cứ Điều 46, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Trả lại Trần Văn H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đen, số Imei: 359172072501368 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng, bên trong lắp 01 sim Vinaphone; 03 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06553, CH06555, CH06556 cấp ngày 26/6/2014 nhưng quản lý để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại Trần Thị B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen bạc, số Imei: 358276041969225 nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(*Tình trạng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 23/01/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam và Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam*).

- Duy trì Lệnh kê biên tài sản số 01/CSĐT ngày 26/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đối với nhà ở của Trần Văn H và Lệnh kê biên tài sản số 02/CSĐT ngày 26/12/2017 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Nam đối với nhà ở của Trần Thị B để đảm bảo thi hành án.

#### **4. Về án phí:**

Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo Trần Văn H, Mai Thị B và Trần Thị B, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn H phải nộp 112.441.650đ (*Một trăm mười hai triệu bốn trăm bốn mươi một nghìn sáu trăm năm mươi đồng*); Bị cáo Mai Thị B phải nộp 91.000.000 đồng (*Chín mươi một triệu đồng*); Bị cáo Trần Thị B phải nộp 92.000.000đ (*Chín mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam;
- Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh Hà Nam;
- Các bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thanh Hải**

